

VIEN-AM NGUYET-SAN

音 圖



Nam-mô Bốn sư Thiên-Ca

Mâu-Ni Phật

Tác đại chứng minh

VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN

Tập-chi chuyên-chú về đạo Phật do Annam Phật-Học hội

(S. E. E. R. B. A) xuất bản

Chủ nhiệm : Hội-trưởng hội Annam Phật-Học :

S. E. ỨNG-BÀNG

chủ-bút : Giáo-lý kiêm-duyet : **Ông LÊ-ĐÌNH-THẨM.**

Thơ-từ bài-vở, xin gởi cho :

Annam Phật-học hội Tổng-trị-sự

Boite postale N° 73 Huế.

Ngân-phiếu trả tiền báo, xin đề tên :

Ông Phạm-văn-Vi Phanrang

Giá báo : 12 số = 2\$00 ; 6 số = 1\$10 ; mỗi số = 0\$20

Hội-viên hội Annam Phật-học muốn hưởng 25%, xin
do các Hội-trưởng tỉnh hội gởi mua.

Các Ngài muốn khảo-cứu triết-lý của đạo Phật.

Các Ngài muốn biết rõ tâm-tánh của mình.

Các Ngài muốn biết con đường tu-hành cho đến chỗ
hoàn-toàn.

Hãy luôn luôn đọc :

Viên-âm Nguyệt-san

MỤC-LỤC

Số bài	Số trang
I. - Vô-minh	3-9
II. - Tôi sửa mình (tiếp theo số 53)	10-15
III. - Tiểu thuyết Lịch sử Ưu-dà-Di (tiếp theo)	16-21
IV. - Pratique de la méditation (suite)	22-25
V. - Phật học vấn đáp, Phật giáo sơ học	26-30
VI. - Tin tức	31

Thông - Chê PETAIN

Ý-tưởng về Đệ-Quốc đã được truyền-bá
ý-tưởng to rộng, đầy hứa hẹn.

Bậc vĩ-nhân đã hiện ra, chính là người
đã chỉ huy muôn nghìn liệt sĩ vì nước bỏ
mình. Bậc vĩ-nhân lên tiếng gọi : lúc đó ai ai
cũng hiểu rằng sự thắng bại không can hệ
nếu Quốc hồn vẫn còn

Trong lịch-sử nước Pháp Thông-chê Pétain
đứng ngang hàng với nữ anh-hùng Jeanne-
d'ARC và vua LOUIS IX.

VÔ-MINH

Nghĩa chữ vô-minh : Không nhận được các lý chân-
thật thì gọi là mê-lầm, như tánh nước hay chảy xuống,
mà mình vì không lúc nào để ý xét đến, không lúc nào
niệm, không rõ lý chân-thật ấy, tức là mình mê-lầm.
Lại như giữa đời, không có hiện tượng gì có nhơn mà
không có quả, nếu không biết lý ấy, thì cũng gọi là mê-
lầm Vô-minh cũng có nghĩa mê-lầm, nhưng là mê-lầm
hết sức lớn : mê không rõ « sự thật tuyệt-đối ».

Người có biết sự mê-lầm lớn ấy không ? Thường
người ta ai cũng cảm thấy mình có mê-lầm, cho nên thơ-
ấu đã biết vồn-vả hỏi han các người lớn cốt để rõ biết,
đến lớn, biết suy nghĩ ít nhiều, lại càng nhận thấy mình
lầm lạc luôn ! Và điều giản dị nhất là nếu người không
mê-lầm, tất làm việc gì cũng đứng đắn, nghĩa là muốn
gì tức khắc làm được như muốn mới phải chứ ! Nhưng
đại đa số, nếu biết mình có mê-lầm, cũng không thể nghĩ
được rằng mình chính đang mê một sự rất hệ-trọng là
không biết sự thật tuyệt-đối.

Duy các bậc thông-minh, các bậc thượng-cần của
nhơn-loại mới cảm thấy mình có «vô-minh» và hết sức tìm-
kiếm sự thật. Đây : các bậc bác-cổ đang nghiên-cứu các di-
tích xưa cốt tìm cho ra **nguyên-thủy của loài người,**
thế giới : kia các nhà bác-học, hóa-học, sanh-lý-học, vật-lý-
học v.v. đang lẫn mình trong các máy thô sơ như thời
xưa, hay tuyệt trần tinh-xảo như ngày nay, kẻ dòm sao chạy,
máy bay, người nghiên-cứu sự hóa sanh của các vi-tế chúng
sanh, hoặc sự chuyển-biến của các điện-tử cùng đều cốt
để tìm cho ra cái **nguyên-nhơn của đời sống,** lại kia
nữa, thì các vị thông-thải, tu-hành, đang trầm-tư mặc-
tưởng quên mặc, quên ăn, quên cả đời sống để chú tất
cả năng-lực vào sự tìm kiếm **lẽ bí-mật của đời sống.**

Nhơn-loại luôn luôn quay-cuồng như đám muỗi lảng
đập đầu vào khung cửa kính để tìm một lối thoát thân.
Nhưng làm thế nào cứ đứng về phương diện đối-dãi mà
tìm được «sự thật tuyệt-đối», làm thế nào cứ muốn nhận
«sự thật tuyệt-đối» với giác quan mộc-mạc, hẹp-hòi, có hạn
lượng của mình ?

Đức Phật nhờ những công-hạnh cần-cù, đã theo
những phương-pháp rốt-ráo để thoát các phương diện
đối-dãi, không nhận lẽ sống với các giác quan, mà để
giác tâm lặn ngay vào giòng sống thực nhận sự sống, vì
thế đã phát minh ra lẽ thật tuyệt-đối ấy.

Sự-thật tuyệt-đối đó là gì ? - Là **bản-thể** chân-thật của
vũ-tru. - Thể chơn thật là chơn-như sáng suốt, bất-sanh,
bất-diệt, vô-thủy vô-chung, thoát-ly tất cả các nghĩa đối-
dãi (xem bài chơn-như và bài sự-thật số 51). Tánh chơn-
thật là chơn-như-tánh hay pháp-giới-tánh, nghĩa là tánh
cách tuyệt-đối, tuyệt-dãi của muôn vật ; mỗi vật đều duy
nhờ đối-dãi mà có tánh cách chứ thiết-thiệt không có
tự tánh (xem bài pháp-giới-tánh số 48). Sự mê-lắm ấy
thuộc về **căn-bản vô-minh** rất sâu - xa vi-tế, cho nên
dầu tu-hành đến quả-vị A-la-hán cũng chưa trừ được,
và chính sự mê-lắm đó đã làm cho các vị ấy **không**

chứng được Pháp - thân, nên năng - lực giảm rất nhiều.

Sự mê-làm gốc ấy phát-sanh ra nhiều lớp mê-làm khác, lớp thô hơn là « vô - minh không rõ tứ - đế », nghĩa là không biết sự thật của đời sống là khổ, không biết nguyên - nhân sự khổ, không biết cách trừ khổ, không biết cội hết khổ. Thứ vô-minh này rất **nguy-hại cho sự tiến-hóa của chúng-sanh.**

Làm sao trừ được vô-minh ? Nhân nhận thấy 2 thứ vô-minh cội gốc đó, nên biết rằng muốn được giác-ngộ, phải nhận rõ tứ-đế, rồi tu đạo để phá « khổ, tập », đến quả A-la-hán. Và đến quả vị này, phải bỏ những điều chấp - trước vi-tế để cho nhập pháp-giới-lánh, mới hoàn-toàn hết vô-minh.

Chúng-sanh muốn đến quả vị A - la - hán, phải qua 4 phiền-não trú-dịa :

1) Bỏ trú-dịa kiến - hoặc : nghĩa là nơi còn các tri kiến sai-lầm.

2) Bỏ trú-dịa dục-ái : nghĩa là trừ bỏ tâm tham ái.

3) Bỏ trú-dịa sắc-ái : nghĩa là trừ bỏ tâm tham ái sắc-thân.

4) Bỏ trú-dịa vô-sắc-ái : nghĩa là trừ bỏ tâm tham ái tư ngã.

Qua trú-dịa này đến quả vị A-la-hán. Đến quả vị A-la-hán tưởng như đã chứng được chơn-như, nhưng chơn-như đó đang còn bị chứng, nên còn đối-dãi, chưa thiết tuyệt - đối ; cho nên quả vị A-la - hán còn là **vô - minh trú - địa**. Bao giờ tu tỉnh - tấn phá vô - minh trú-dịa bỏ được cả năng chứng và sở chứng, lúc bấy giờ mới thiết tới chơn-như, mới nhập được pháp-giới-tánh, mới hoàn toàn giác-ngộ.

Quan-niệm của Pháp-tướng về mê và ngộ, và sự phân biệt về Đại-thừa và Tiểu-thừa. — Pháp-tướng

tôn nhận rằng không có cái gì là thiết pháp thiết ngã sự sự vật vật, dầu tâm dầu cảnh, đều do thức tâm biến hiện. Tôn ấy nhận có 8 thức : nhãn-thức, nhĩ-thức, tỷ-thức, thiệt-thức, thân-thức, ý-thức, mật na-thức, tạng-thức (xem duy-thức ở số 50) 3 thức sau rất quan-hệ vì tạng-thức là chứa đủ các chủng-tử mê ngộ, thất-thức là thức hay chấp-tri, thất-thức chấp-tri chủng-tử mê thì ta mê, thất-thức hết mê thì ta ngộ. Ý-thức rất lanh lợi, có công năng làm nảy nở hoặc đè nén các chủng-tử. Trong tạng-thức có đủ chủng-tử hữu-lậu và vô-lậu, nhờ lục-thức luân-tập mà các chủng-tử vô-lậu được hiện-hạnh thì các chủng-tử hữu-lậu không mọc được.

Lấy Pháp-tướng phân biệt Đại-thừa và Tiểu thừa : xem thể chúng-sanh mê-lầm đều gốc ở đệ-thất-thức hay mật-na-thức, thất-thức là thức chấp-tri, không lúc nào là không chấp-tri, lúc mê thì chấp tri có ngã có pháp, lúc ngộ thì chấp tri vô-ngã vô-pháp, vì tánh cách hay gìn giữ của đệ thất-thức mà hóa có mê, nhưng cũng nhờ tánh cách đó mà lúc giác-ngộ, thất-thức gìn giữ được tri vô-ngã vô-pháp rồi thì không bao giờ mê-lầm được nữa.

Thất-thức chấp-ngã, chấp-pháp, tu theo Tiểu thừa, chứng đến quả A-la-hán thì mới trừ được ngã-si ; còn pháp-si chưa đoạn được. Nếu đoạn được pháp-si nữa thì hoàn-toàn giác-ngộ. Muốn trừ pháp-si thì phải luân-tập đệ bát thức, dùng ý-thức mở mang các chủng-tử chân-như để các chủng-tử ấy có đủ sức mạnh trừ phần pháp-si của thất-thức thì chứng được pháp-thân,

KẾT LUẬN

Chúng ta lọt lòng ra đã có sẵn một thân, nghĩa là kết quả của sự mê-lầm, lại sống vào một hoàn-cảnh mê-lầm. Bao nhiêu tư-tưởng, bao nhiêu thói quen, bao nhiêu quan niệm quơnh vây lấy ta ; đã có thân người, ta phải chịu cái hoàn cảnh chung của nghiệp người, ta tập thấy như số đông người chung quanh ta thấy, tập nghĩ, nghe, nếm,

cho đến suy nghĩ. nói-năng, hành - động như phần đông người xung quanh ta. Vì thế thói sống và ý nghĩ của số đông người thường rất giống nhau. Ta bị nhiễm các thói quen mê-lắm rất nặng nề rồi, nên không biết. Như con trong một gia-đình đều hút thuốc phiện, mới lọt lòng ra họ đã có một thân-thể ốm-yếu, họ đã nghĩ thấy hơi thuốc, hơi lớn lên đã tập hút, suốt mấy mươi năm trường sống trong không khí đượm thuốc. Mặt đã xanh, môi đã thâm, mỗi lúc hút thấy vui vui, nhưng những lúc thiếu thuốc cũng thiệt khổ nạn ; tuy vậy cũng không bao giờ có thể nghĩ rằng thuốc phiện là một thứ rất hại, và người ta có thể sống không cần nó ; họ lại càng không nghĩ được rằng nếu khỏi được nghiện người ta sẽ sống cuộc đời vui đẹp hơn, cho đến dầu có người đã thoát được bệnh khổ nạn ấy, hết sức khuyên lơn, họ cũng bán tin bán nghi.

Thân phận chúng ta đây có khác chi người nghiện kia, sanh ra trong một hoàn cảnh điên-đảo vô-thường, vật-dục rối-loạn, vẫn cũng có lúc thấy vui, nhưng nhiều khi cũng đã khổ nạn. Sự khổ của đời thế nào, các mục về khổ-đế đã nói rõ tưởng không cần nhắc lại.

Nhưng ở đời mấy người tự nhận được đời thiệt là khổ ! Không nhận điều ấy là một sự mê-lắm quá nặng. Khổ còn không nhận được, hưởng chi các nhơn làm ra khổ, các phép trừ khổ, và cái cảnh-giới của cõi hết khổ, cùng là « sự thật tuyệt đối » hay là **đệ nhất liễu nghĩa**.

Tu theo đạo Phật cốt để trừ vô - minh, được giác ngộ, nhưng thiệt ra theo **quan niệm đại-thừa**, lúc còn mê, giác-tánh-phải đâu không có, mà lúc đã ngộ cũng có hết chủng-tử vô - minh đâu. Vô-minh cùng giác-tánh đều một thể chơn-như, nào có sanh, nào có diệt, chỉ vì đứng thiên về một phương - diện nên mới in-tưởng có giác-tánh cần phải được, in-tưởng có vô-minh cần phải trừ. Kể chưa học đạo, thì tưởng rằng giác-tánh mình

không có ; các vị « nhị-thừa » thì tướng mình đã hết vô-minh, được giác-tánh. Chỉ có các vị Bồ-tát thiết chứng ngộ lý trung-đạo mới hiểu vô-minh tức giác-tánh biến-hiện, nhưn đó chuyển vô-minh hóa nhất-thể-chủng-tri ; nương vô-minh khởi sai-biệt tri, cho đến khi nhờ đó mà biết được tất cả, mới đạt được sự toàn - giác, và mới tùy duyên khởi chơn-như đại - dụng ; lại khởi vô-minh mà không bị vô-minh ràng-buộc, vì luôn luôn trú tại chơn - như, như nhà huyền - sư biết muôn cảnh sai khác đều do mình biến hóa. Vì thế, đối với các vị Bồ-tát « địa-ngục thiên-đường đều thành Tịnh - độ ». Vì địa-ngục thiên-đường có chẳng, cũng chỉ có với những kẻ còn mê trong dục - giới, sắc-giới, cho đến cảnh vui tột bậc như cảnh Niết-bàn cũng chỉ có với hàng « nhị-thừa » là hàng đang còn chấp trước, chớ chơn - như ra ngoài các danh sắc mà trùm chứa tất cả. Phật có nói với đức Văn-thù trong kinh Viên-giác : « Lúc giác ngộ rồi thì các huyền (vô-minh) cũng chẳng diệt đi đâu, và thành đạo rồi cũng chẳng thấy được cái chi. 眾幻滅無處, 戒道亦無得 ». Nhưng « vô-dắc » là không được cái gì gọi là giác tánh, vì giác tánh có bao giờ diệt, mà nay lại được, tuy thế thiết ra đối với kẻ còn mê thì các đức Bồ-tát là siêu việt toàn-tri toàn-năng hoàn-toàn giải-thoát, cũng như đồng là chim, chim trong lồng thì khổn-nạn thâm-sâu, chim tung-tăng ngoài trời sáng-lạng thì tự do an vui, mà nào có khác chi nhau, cũng đủ lông, cánh, đuôi, mỏ !

Lại cũng như kẻ lặn phương hướng, muốn đi về đông mà lại qua tây, đến lúc biết lầm, đổi hướng, thì không lầm nữa, nhưng đông tây nào có tiêu diệt ! Chỉ duy người ấy đã có biết đâu là đông, đâu là tây, và lúc đó đi về hướng nào cũng biết rõ, không lầm nữa !

Sở dĩ chúng-sanh mê-lâm, Phật giác-ngộ cũng chỉ vì sự nhận sai khác như thế mà thôi. Phật đã nói trong kinh Thủ-Lăng-nghiêm : « Các ông mê vì nhận cái ngọn làm gốc, Phật giác ngộ vì nhận đúng gốc, đúng ngọn ».

Nhận bọt nước làm toàn-thê bề là nhận ngọn làm gốc, tức mè. Nhận một thân một đời làm trung tâm điểm của thời-gian vô cùng, không-gian vô-tận là mè. Biết thân tâm như chút bụi giữa trời, như hoa đóm biến hiện giữa hư-không là ngộ.

Mê, không hiểu cách dụng tâm thời động-tâm tức muôn niệm thô đục nổi lên; ngộ, thấu rõ tâm-tánh, thời niệm niệm đều sáng suốt thanh-cao ; chúng-sanh mè, như đứa trẻ cầm đàn rảng sức khảy cũng chẳng rõ thanh âm; Phật, giác-ngộ, như nhà nhạc-sĩ tài tình động đến giây là muôn khúc huyền-vi lan khắp.

Đàn nào phải hai cây, mà dưới tay kẻ tục, người tài, điệu khác nhau đến thế !

Tâm Phật cùng tâm chúng-sanh nào có khác, chỉ vì vô-minh mà có mè có ngộ, có địa-ngục, Niết-bàn.

PHẠM-HỮU-BÌNH

Trong đoàn Phật-học Đứơc-Dục

TÔI SỬA MÌNH

Tiếp theo số 53

Vì ở tôi, chồng chất bao nhiêu tánh xấu ! Lẽ tất nhiên tôi không thể đem phô bày những món đặc biệt cho tôi quá. Dù sao tôi vẫn còn thương tôi nhiều. Lật mặt trái của cái tôi, làm tôi khổ-sở vô-lịch, và sẽ có hại cho con đường tu tập của tôi. Thà là tôi hãy dẫu-dĩem, lần lần trừ bỏ còn hơn đem công bố ra cho mọi người biết, dù những người nghe tôi hôm nay đều là bạn thân. Tôi chỉ xin nói thêm về lòng tham, lòng giận mà chúng ta, dù ít hay nhiều cũng mang theo bên mình.

Tôi không nói lòng tham hiểu theo nghĩa rộng trong Phật giáo, chúng ta ai cũng tham sống, tham làm đều hay, tham . . . tham tất cả. Cái tham ấy chúng ta hãy khoan bàn đến. Còn là người, và là những người kém-cỏi, ta hãy lo dứt-trừ lòng tham vụn-vặt, có hại cho ta và có hại cho người. Tôi muốn nói đến tham ăn, tham ngủ, tham sung sướng về vật-chất, tham danh lợi, tham tiền của . . . Phần tôi, tôi mới biết rằng tôi tham cách đây không lâu. Trước kia tôi tự-phụ rằng không tham gì cả. Về ăn uống, luôn bảy năm trong ký-lúc-xó, những đĩa thịt bò cao-su chưa làm tôi khổ sở. Nhờ tập-quán, nhờ giáo-dục gia-đình, tôi chưa hề phạm đến tiền tài của ai. Tôi có tham chăng cũng chỉ tham những địa vị cao trong lớp, mà lòng tham ấy đối với một đứa bé chăm học, kẻ không có gì đáng trách. Rồi tôi cho tôi là hoàn toàn. Sự thật bây giờ nghĩ lại tôi thấy về phương diện gì tôi cũng tham. Tôi đã tham ăn vì lắm lúc bao-tử bị tổn-thương kêu nài đừng thứ mà tôi vẫn một mực nhét vào những món khó tiêu như mì, ớt, hay bánh khoai. Tôi đã tham mặc, vì đã có lần tôi thêm-thường đem so sánh bộ đồ nỉ của bạn với chiếc áo vải dù của tôi. Có đầu lúc ấy lòng tự-phụ tôi giữ lại : ăn mặc sơ sài

sẽ được người khen là : « học giỏi mà không diện ». Tôi tham nhiều, nhưng cái tham của tôi dễ trừ bỏ. Với một ít ý-chỉ, với một ít thói, ta sẽ hàng - phục những cái tham lật-vật. Đầu cần nhất, quan-hệ nhất mà tôi sẽ lặp đi lặp lại mãi là ta phải nhận rằng những cái tham ấy có hại cho ta và cho người. Ta phải nhận rằng chăm chú đến cái ăn cái mặc ngăn trở bước đường tiến hóa của ta.

Một người chỉ nghĩ đến miếng ăn thì còn làm được việc gì ? Riêng phần họ, họ cũng không có lúc nghĩ đến những điều thanh cao hơn. Họ thương họ một cách làm lạ vì họ thương cái xác thịt của họ. Một người trói buộc vì ăn ngon mặc ấm còn vì tha thế nào được ! như anh Liễu đã nói, ta phải thấy rằng xa xỉ là một điều mai mỉa. Thử nhìn xung quanh ta cái cảnh nghèo đói nhan nhản, ta sẽ thấy lời anh Liễu thiết thực bao nhiêu.

Nhưng nếu ta sẵn lòng đánh đổ lòng ta, ta phải dè dặt với lòng tham của người. Ta chớ cho đó là một điều tầm-thường : suy nghĩ kỹ, ta sẽ thấy bao nhiêu xằng bậy gây ra vì lòng tham ăn: Nếu tôi không làm, ai ai cũng tham ăn cả. Vì ăn cho ta một lạc-thú rõ-rệt, hiện tiền. Trước những kẻ nghèo đói, ta sẽ cho họ được mãn nguyện vì cái ăn đã. Phải có cuộc hòa bình trong bao-tử rồi mới mong dẫn mọi người vào con đường chính. Tôi đi xa đầu đề rồi ! Tôi xin trở lại với tôi, tôi hãy nói đến tánh nóng giận.

Xưa kia và có lẽ bây giờ cũng thế, tôi là một kẻ nóng tính bực nhất. Động một tí đã gắt gỏng cau có. May mà trời chỉ cho tôi một thân-thể bé nhỏ, nếu không tôi đánh lộn luôn ngày. Tôi làm thế nào đánh đổ tánh nóng giận ? Ở đây cũng như ở mấy đoạn trên, tôi nhắc lại rằng điều quan hệ nhất là nhận tánh nóng giận là một tánh xấu. Có nhiều người nhận rằng tánh nóng giận giúp cho ta làm việc. Phần uất đối với

họ, là một động lực quý giá phải nuôi luôn trong lòng. Tôi tưởng không có một quan-niệm nào sai-lầm bằng. Một người nghe theo sự thúc dục nhất thời của lòng phần-uất không phải là một người hoạt động. Họ chỉ mửa máu một cách vô ý-thức như một hình nhân bằng máy. Kịp đến lúc lòng nguội lạnh, họ sẽ phản-ván không hiểu mình đã làm gì và vì cớ gì mình đã làm. Đã biết bao nhiêu người vì phần-uất nhất thời mà tự phá đời mình rồi sau hối hận ê-chề trước những nỗi bất công, họ thấy lòng sôi nổi, muốn trừ bỏ những mối tệ hại, Họ không kịp suy nghĩ thấu đáo, nhắm mắt nghe theo tiếng gọi của lòng phần uất. Kết quả bao giờ cũng đau đớn. Chúng ta phải nhận rằng họ có một tấm lòng quý-giá ; Dù vai chủ-động trong công cuộc của họ không xứng đáng, Trước một kẻ ăn xin tàn tật một người đi đường thấy khó chịu nơi ngực. Họ dừng lại vớt vào mẻ dĩa khốn nạn một đồng xu để tránh cái hình ảnh nặng nề ấy. Họ có thật thương người ăn mày kia không ? Tôi tưởng rằng không. Họ chỉ thương họ thôi. Họ muốn được yên tâm sau khi đã bố-thí cho kẻ ăn mày. Cử chỉ của họ do lòng vị kỷ hơn lòng vị-tha. Dù sao người ấy cũng đáng khen. Vì họ đã không chịu được sự đau khổ. Nhưng một người thật thương người, không cần phải vì cảm giác khó chịu. Họ thương người vì họ thương người. Họ làm việc vì họ làm việc. Họ không phải vì muốn hủ một con phần-uất mà họ nhúng tay vào việc. Họ hiểu công trình của họ, nhận thấy tất cả giá-trị quan-hệ của điều sắp thi hành. Có sáng suốt, có so đo chín chắn, công việc của họ mới chắc thành công và lâu bền.

Tôi tin rằng những động lực nhất thời không thể giúp cho ta làm việc lâu dài. Muốn làm một việc lâu dài và chín-chắn, ta phải giữ lòng bình-lĩnh, trong sáng. Tưởng rằng phần-uất là động lực hoạt động, là làm lực vô cùng. Có ai mang theo sự tức giận cả đời dài và dù có tức giận mãi nữa, lòng tức giận kia sẽ

lắm mờ ám tri - khôn công việc sẽ mâu thuẫn như
cử chỉ của kẻ điên rồi.

Xem đây, trừ tiệt lòng giận dữ là một điều cần.
Ở đây cũng như ở các đoạn trên, lối tự kỷ ám-thị là
một lối hiệu nghiệm nhất. Mỗi lần lòng tôi sôi nổi
muốn vọt ra những lời nguyền rủa, tôi vội vã thay vào
một nụ cười. Vâng, một nụ cười. Dù ngược-nghe, ép-
uổng bao nhiêu nó cũng giúp ta trút một gánh nặng
nơi ngực. Các bạn hãy nghe lời tôi mà cười đi, dù
cười méo máo trong lúc mặt bạn tái đét, mắt bạn đã
ngầu. Các bạn hãy cùng tôi thắng cái bề ngoài của
lòng tức giận. Cái gốc nó, luật lệ đoàn chúng ta đã
cho ta phương pháp trừ. Đến giờ phải suy nghiệm về
cử chỉ lời nói ý nghĩ ngày qua, các bạn sẽ can đảm
nhận thấy những điều lăm lổ. Các bạn cứ lặp đi lặp
lại « không nóng giận phải vui vẻ luôn » rồi dần dần
các bạn sẽ ngạc nhiên thấy mình trở nên hòa nhã,
ôn tồn.

Đến đây tôi phải kết-luận. Tôi biết rằng đột ngột
quá. Nhưng tôi đã nói nhiều rồi. Vả nói thêm thì bao
giờ cho hết được ! Có bao giờ ta bươi hết mọi điều
khuyết-diểm của ta ? Chủ ý tôi muốn trình bày công
dụng Phật-giáo trong sự sửa mình. Phần tôi, tôi thấy
tôi chỉ thật sửa mình khi tôi là một tín đồ nhà Phật.
Ngày trước tôi chỉ thấy mờ mờ rằng tôi ử-ấp một vài tánh
xấu. Một vài, buồn cười chưa ? Thế mà tôi-nào có
nghĩ đến việc cần phải sửa chữa. Vì tôi không biết có
thật nên sửa hay không ? Khổ-nạn cho tôi ! tôi đã có
lần tự hỏi có thật có cái xấu, cái tốt, hay chỉ là những
ước lệ giữa loài người. Tôi nghi ngờ cả đến những
tình cảm cao quý. Có lúc tôi lại phân vân không hiểu sửa
mình làm gì dù biết linh tính tôi cho tôi hay rằng muốn
từng đáng với chức vụ của người, tôi phải trau dồi
đức-hạnh. Trau dồi đức-hạnh ! đã bao lần tôi khổ-sở
vì ý nghĩ ấy. Những cuộc thí-nghiệm chỉ đem lại cho
tôi thất vọng. Tôi chán nản thấy mình hèn yếu trước

sức cảm dỗ của mọi điều ham muốn. Tôi khuất phục dưới sức lực ghê-gớm của tội-lỗi.

Vì tôi khờ dại tưởng rằng người ta phải tuân theo luật lệ tự nhiên nó buộc ta vào một số mệnh nhất định.

Vì tôi nghĩ rằng người ta không phải thần thánh gì mà hoàn toàn tự chủ mình.

Vì tôi lầm rằng những sự gắng gượng của tôi ít ỏi quá, bé nhỏ quá, đối với sức mạnh vô cùng của tội lỗi.

Vì tôi ngu ngốc tin rằng ý-chí của tôi chỉ là một chiếc lá mỏng mảnh ngăn làm sao nổi những cơn giông tố.

Vì tôi, một kẻ khốn nạn sắp chết đuối giữa giòng, lại từ chối tẩm ván hộ thân mà Phật đưa đến để cứu vớt tôi.

Bây giờ lúc tay chân rời rã, sức lực tàn tạ, tôi mới chịu bám vào tấm ván cứu mệnh. Nhưng dù chậm còn hơn không bao giờ. Vả nào có gì là chậm trễ. Đời ta đâu chỉ là một khoản ngắn ngủi. Đời ta là tuổi trẻ vô-hạn. Miễn là ta biết nên đi vào ngã nào thì trước sau ta cũng đạt mục-đích.

Người tín-đồ Phật-giáo tin rằng một việc xảy ra có dính dáng đến đời họ là hoàn-toàn do họ tự gây nên. Họ hoàn-toàn chịu trách nhiệm các điều vui buồn của đời họ. Họ không nhờ cậy ai, trách móc ai; hay, họ trau dồi cho ngày thêm lành, dữ, họ quyết chí diệt trừ tận gốc.

Họ tin ở sự cố gắng liên miên của người. Họ biết rằng có một năng-lực tiềm-tàng vô cùng mãnh-liệt, chỉ chờ họ đánh thức dậy là hoàn-toàn phát triển. Họ tin ở ý-chí; họ biết rằng những điều ham muốn bó buộc họ vào những dự-vọng, nên họ sẽ không bị ngoại - cảnh chi phối nữa.

Họ biết rằng trước sự họ cũng đến chỗ hoàn-toàn.

tự do, hoàn-toàn vui-vẻ. Họ không cần hấp tấp. Đời họ đã là vô tận thì nóng nảy chỉ là vô ý-thức. Đời họ là một cuộc đi lên mãi, lên chỗ tươi-sáng, êm đẹp. Mỗi bước, họ đã thấy kết quả. Lòng họ mở rộng để đón tiếp những mỹ-cảm. Họ có cảm tưởng như vừa ra khỏi ngục tối, để nhìn ánh sáng rực rỡ của trời xanh tươi. Họ hiểu cái « ta » của họ vốn rộng rãi, vô cùng, và ái ngại cho những ai giam mình vào những lòng tham muốn chật hẹp. Họ nhận thấy rõ ràng rằng sửa mình là một điều cần. Còn nghi ngờ gì được nữa nếu mỗi bước đi lên đem đến cho ta sự thư-thái vui-vẻ trong tâm hồn ?

Đã tin chắc con đường đi, người Phật-tử lại có những phương pháp mẫu nhiệm để tu thân. Theo từng bậc, Phật chỉ về những môn thích hợp. Chúng ta còn lo gì không thành công. Chúng ta sẽ thấy cái « ta » của ta rộng-rãi đầy-đủ bao nhiêu ! Khi không vướng vào những lưới mê muội, có gì ta không làm được ? Lúc ấy ta mới thật thương người vì ta không thương cái ta nhỏ mọn. Lúc ấy ta mới đủ tư cách thương người vì ta sẽ đủ tư cách để diệt trừ những đau khổ xung quanh ta. Lúc ấy ta mới xứng đáng đem lòng từ-bi vô-lượng của chư Phật ra cứu vớt mọi người.

Mùa đông năm Canh-thìn

NGÔ-ĐIỀN

(trong đoàn Phật-Học Đức-Dục)

U'U-ĐÀ-DI

Tiếp theo

Như có mặt trời trên mình ngựa, Thái-tử vui-vẻ hầu như sắp quên nỗi buồn xưa. Thị-vệ hình như vui lây nên có người giã vui đùa như trong những lúc Thái-tử không có việc gì phiền-não, Thái-tử đối với người hầu tử-tế như anh em. Một người thị-vệ thưa Thái-tử :

Thái-tử có nhớ cái nhà trồng rất nhiều hoa ở phía nam hoàng-thành ?

— Nhà ấy có gì lạ, anh sẽ bảo ta nghe.

— Bẩm Thái-tử ở đó có những tiếng nhạc, mà không có ai ở xứ này được nghe, họa may có một mình tôi.

Thái-tử mỉm cười nhớ lại cái đêm nghe đàn trong cung.

— Hay bọn tiếng nhạc của Uu-Đà-Di chăng ? Thế thì ở đâu anh hãy dẫn ta đi qua.

— Bẩm Thái-tử chính là Uu-Đà-Di.

— Thế sao anh bảo chưa ai được nghe ?

— Bẩm Thái-tử một đêm rất khuya, một đêm mà tôi chắt kinh-thành Ca-Ti-La-Vệ đều ngủ kỹ, tôi được nghỉ, phóng ngựa về thăm nhà. Lúc qua đấy tình-cờ nghe được tiếng đàn rất nhỏ ở ngôi nhà kia đưa ra. Tôi dừng ngựa lại ngờ ngẩn quên mất việc về thăm nhà. Bẩm Thái-tử tôi đã nghe một khúc hát kỳ lạ hơn khúc hát ở trong cung hôm trước.

— Thế thì ta rẽ lối này.

Thái-tử Thích-ca vừa nói vừa rẽ ngựa sang tay trái, các thị-vệ đều mỉm cười hớn-hở.

Các vó ngựa rầm-rộ trên đường sỏi. Gió thổi cái bờm óng ánh tơ vàng của con ngựa qua trước lớp áo nhung trắng cài khuy đỏ của Thái-tử. Cái khăn trắng lớn trùm ngang trán để lộ ngọc bảo, một nốt thắt nổi cao giữa hai dải lông mày và ph

ngoài mở tóc đen như mun, sợi tóc nào cũng uốn tròn về phía hữu.

Một màu trời xanh thăm ở trước mặt. Thành phố ở xa xa dưới không-khí quang đăng mấy ngày trời xấu bị mây mù che lấp — ngày hôm ấy như ở đầu hiện về. Thái tử, trong một phút, đã nghĩ đến những nóc nhà kia là của các thần dân dưới quyền vua cha. Mà trong đám nhà ấy, lại có ngôi nhà của người con gái tài hoa kia. Thái tử hình dung lại người đánh đàn hôm trước.

Vừa lúc ấy những tiếng rên khừ khừ bên đường lọt vào tai Thái tử. Thái tử quay lại hỏi thị vệ :

« Hình như có người rên, các anh hãy lắng tai nghe có phải ?

Các thị vệ lắng tai nghe rồi đồng thanh trả lời :

« Bẩm Thái tử quả có như vậy ».

Tiếng rên rõ lắm hình như ở một bụi cây bên đường. Bên bụi cây, một người đen-dũi gầy dẹt đầu đã rụng tóc da đầu lòi ra như sọ dừa, khắp thân-hình đều lở lói, da thịt chỗ trắng chỗ đen trông rất ghê sợ, cả thân hình bệnh nhơn xông lên một mùi rất hôi hám khiến cho người xem không dám đến gần. Tên ấy là một tên hủi thuộc về phái ba lia là một phái hạ cấp ở An-đô bị khách qua đường đá vùi xuống đất như một con vật, vì không ai muốn gần một người bệnh ở một giai cấp mà người ta cho là bèn mặt. Nghe tiếng có người đến gần, nó vẫn đưa hai tay cụt bần như hai cái cẳng lên trời và đôi mắt nó gần như mất hết trông đen cũng như cổ mở để nhìn lên cao. Như tuồng nó không còn tin rằng những người đồng loại của nó còn thương xót nó. Trước cảnh ấy Thái tử buột miệng than :

Còn có cách gì chữa được nữa chăng ?

Một người theo hầu tiếp trả lời :

Bẩm như đến bệnh hủi ghê gớm kia thì không còn phương thuốc gì chữa được nữa.

Thái-tử Thích-Ca cởi áo mình — cái áo nhung trắng có cúc đỏ và chỉ vàng thêu ở trước ngực — đắp cho kẻ kia rồi cùng thị-vệ quay về.

Trên đường về, đôi mắt Thái-tử buồn đăm đăm. Thái-tử đang nghĩ đến những bệnh hoạn ghê gớm của đời người.

Từ hôm ấy Thái-tử Thích-Ca bỗng trở buồn bã suy nghĩ luôn. Vua tìm hết cách để làm cho Thái-tử vui mà cũng không có hiệu quả gì mấy. Tình cờ một hôm vua sức nhớ đến người con gái đánh đàn. Vua ngẫm nghĩ : có lẽ Thái-tử buồn bực vì cảnh cung cấm có vẻ tiêu-tuy, cung-tần mỹ-nữ không biết lối điềm trang, không có tài ăn nói, để giải buồn Thái-tử, họa may còn có con bé này : hôm trước ta nghe những khúc hát của nó cũng phải mê mẩn tâm thần, thấy mình quên hết những phiền muộn của đời. Ừ mà phải, nó là giống dõi Bà-La-Môn, tài gì mà không có sức học uyên thâm, giới hạnh nghiêm chỉnh. Ta sẽ nhờ nó xem sao.

Nghĩ như vậy bèn sai người mời Ưu-Đà-Di vào cung, nâng khiêm tốn tâu rằng :

— Tâu Hoàng-Thuận, ân đức Hoàng-Thuận hầu khắp cả thần dân trong xứ, ai ai lại không truyền tụng, tôi như hạt bụi dưới ánh mặt trời, như bọt nước trong bể cả. Bấy lâu chỉ biết tận hưởng những ân huệ cao sâu của Ngài, bây giờ ngài uỷ thác cho công việc theo hầu Thái-tử tôi rất lấy làm vui, nhưng cũng rất lấy làm sợ.

— Nàng Ưu-Đà-Di, tài đức của nàng, sắc đẹp của nàng ở đây ai lại không biết, hãy nhân dịp này để tỏ lòng trung-thành của nàng.

Hôm ấy vua đến khuyên Thái-tử.

« Đã biết bao lần ta phải nhắc lại rằng ta chỉ còn một mình con ở trên đời này là ta quý mà thôi. Đã biết bao lần con làm ta phải âu sầu nhớ đến mẹ con chẳng ? Ồi, nếu con biết những sự mong mỏi của mẹ con lúc tuổi-tác mà vẫn chưa thai nghén, nếu con biết những lúc mẹ con

cùng ta sung - sướng với giấc mộng kỳ lạ của mẹ con. Ôi, nếu con biết nỗi hân hoan của mẹ con lúc mang con trong lòng cầu-nguyện cho con sau này được hơn người. Cứ mỗi lần con không vui ta lại bùi ngùi nhớ đến mẹ con và tiếc rằng không còn mẹ con ở đây để đỡ-dành con hộ ta »

— Thưa cha, con đã là đứa con bất-hiểu, con xin từ nay yên vui đề cha bằng lòng, đề linh hồn mẹ con được nhẹ nhàng trên chín tầng trời thăm. Mẹ con bây giờ còn làm sao gặp được con nữa, mà con cũng vậy, hình ảnh mẹ con con có tìm đâu được ở trần giới này.

Như biết được Thái-tử Thích-Ca sắp rơi vào bẫy của mình, vua vẫn ôn-tồn không lộ vội vẻ sung sướng của mình.

Lời con nói nhắc ta nhớ đến một việc mà ta quên hẳn đi.

— Thưa cha nhớ lại đến việc gì ?

— Còn một người sống ở thành này rất giống mẹ con ngày xưa.

— Thưa cha người ấy là ai, con muốn tìm cho gặp.

— Phải ý nghĩ của con rất hay, vì tội nghiệp cho con, con vừa ra được bảy hôm thì mẹ con vội từ giả vườn Lâm-Tỳ-Ni, người con muốn gặp chẳng ai xa lạ, chính là nàng Ưu-Đà-Di, người đánh đàn hôm trước.

Tối đó ở hoa viên, Ưu-Đà-Di ngồi trên một ghế đá trước mặt Vua và Hoàng tử. Trăng Ấn-độ tỏa một thứ ánh-sáng huyền ảo trên thành quách ; những cây trắc cao vút như muốn níu theo điệu nhạc do chín giây tơ dưới mười ngón tay tài tử đưa ra bên cạnh, những khóm lài đầy trĩu những hoa có hương ngào ngạt khiến cho những người bầu đứng bên dẫu có chất phác cho mấy cũng trở nên mơ mộng như nhà thi-sĩ.

Hôm sau vua ban cho cha mẹ Ưu-Đà-Di vàng ngọc châu báu để rước nàng vào cung. Tuy được trọng thưởng nhưng ông cụ bà cụ không khỏi buồn vì xa con.

« Vàng ngọc châu báu có quý đâu bằng tình mẹ con. Xa con mẹ lấy làm đau đớn lắm. Con hãy còn nhỏ, rồi đây ai săn sóc cho con. Tuy vậy lệnh nhà vua không ai dám trái được. Mẹ cầu nguyện Vua và Thái-tử sẽ yêu mến con như thầy mẹ con đối với con vậy ».

Ưu-Đà-Di an ủi mẹ.

« Con đã lớn rồi mẹ ạ. Lễ đâu con phải bắt mẹ lo lắng vì con. Hoàng-tử người rất hiền lành, như mẹ đã thấy những khi Ngài dạo trước cửa nhà ta. Con sẽ cố làm cho Ngài vui, thế nào Ngài cũng chiều con như mẹ vậy ». Ông cụ ít bực rầy hơn, khuyên con : « Con đã 15 tuổi rồi đó, gắng mà giữ gìn tâm tính vì con cũng đã lớn rồi. Con phải luôn luôn khiêm-tốn nết na như con gái của thầy mẹ vậy. Chức vị của cải dễ làm hư tâm tánh con người lắm đó. Thôi con cố vui đi, thầy mẹ cũng mừng cho con.

Ưu-Đà-Di cúi đầu vâng lời cha mẹ, rồi nằng chạy tìm em, một cậu bé đang loay hoay dán một cái điều nhỏ.

Em ở lại vui vẻ nhỉ ? đừng làm phiền thầy mẹ, rồi lúc nào chị sẽ đem quả bánh về cho em. Em sẽ thay chị cho các con vật mình nuôi ăn uống. Luôn luôn săn sóc chứ đừng đánh đập nó.

Nói đoạn nằng kéo tay em ra vườn để thăm lại những cảnh vật thân yêu. Cây khế mà dưới gốc nằng đã bao lần ngồi hát, ngồi đàn cho cả nhà nghe.

— Nằng đi còn có ai mà hát dưới đêm trăng nữa.

Cây huệ than :

— Ai ve-vuốt tôi, tôi nở hoa cho ai.

— Hoa hồng nũng-nịu :

Tôi lấy tóc ai mà búi nữa.

Ưu-Đà-Di trả lời :

— Các bạn ơi, thầy mẹ và em tôi lại săn sóc bạn hơn tôi nữa kia.

— Đưa ngỗng lúc bấy giờ ở dưới nước lại kéo lên :

— Rồi đây ai chia tay cho chúng tôi mồ ?

— Em tôi sẽ đưa bàn tay xinh-xắn hơn tôi cho các người.
Nước ở trong hồ cũng phụng phịu :

— Chiều chiều ai soi bóng trong lòng tôi nữa ?

— Còn có em tôi soi bóng trong lòng của người, em tôi còn ngoan ngoãn hơn tôi, đẹp dễ hơn tôi.

Bồ câu và các thứ chim trong vườn cũng bay đến.

— Nàng đi thật đấy à ? vắng nàng chúng tôi bết cho ai nghe đây và ai hát cùng chúng tôi ?

Có thầy mẹ tôi và em tôi nghe những điệu thành-thót của các người, giọng em tôi còn tốt hơn giọng tôi, sẽ hòa cùng các người.

Con chó lúc bấy giờ cũng chạy đến quẩn quít bên chân nàng.

— Nàng đi, ai ve - vuốt tôi và dắt tôi đi dạo ?

— Em tôi sẽ vui đùa với người, chó ạ.

Lúc ấy con chim nhỏ của nàng nuôi ở đâu cũng vụt bay đến.

— Tôi nhất định theo nàng.

→ Em sẽ theo ta và đậu trên cây đàn của ta.

Lúc cha mẹ và em đưa ra đến cửa, nàng như nhớ lại việc gì, quay lại bảo em :

— Em có nhớ những nhà tu-hành ngày ngày đến xin ăn trước cửa, em sẽ kính cần đem các thức ăn ra biếu lấy, em ạ.

Ở cửa xe ngựa đã sẵn sàng để đón nàng vào cung điện. Những người theo hầu nghiêng mình chào đón.

(sẽ tiếp)

PRATIQUE DE LA MÉDITATION

(suite)

Si l'image de l'adversaire éveille l'envie ou la jalousie dans votre cœur, réfléchir qu'il peut devenir malheureux, que toute joie est passagère, qu'il est encore dominé par l'ignorance, éveiller ainsi la compassion, cette pensée chassera l'envie,

Confondre ces quatre êtres vous-même et les autres, dans la même pensée de joie sympathique.

Diviser le globe en quartiers, imaginer un être heureux dans tel quartier, tel continent, continuer à déverser partout votre pensée de sympathie joyeuse.

Sortir de la méditation par les respirations courtes et longues et les trois salutations.

UPEKKHA

La sérénité

Désirer pour soi-même et les autres la sérénité, indifférente à la peine comme à la joie, puisque toutes les deux sont impermanentes.

La sérénité est un avant-goût de la paix du Nibbana que certains peuvent atteindre ici même.

Penser que la sérénité est établie dans votre cœur.
Que vous êtes pénétré, saturé de sérénité.

Absorbé dans la sérénité.

Souhaiter la sérénité à un être cher, le voir baigné de sérénité.

Envisager aussi un être indifférent, puis un adversaire baigné de sérénité.

A chaque quartier du globe, envoyer comme à un être que vous aurez entrevu, des pensées de sérénité.

Continuer à déverser cette pensée sur le globe et ensuite sur l'Univers.

Imaginer la sérénité partout et que l'on n'est que cela : la sérénité.

Sortir de la méditation par les respirations courtes et les salutations.

KURUNA

La compassion

La compassion bouddhique n'est point un attendrissement sentimental. C'est un sentiment calme et raisonné qui doit être médité d'une façon impersonnelle pour nous libérer des instincts de cruauté.

On doit se rendre compte que tout être désire le bonheur et que chacun a sa part de souffrance tant qu'il est lié à la vie phénoménale. On doit désirer pour autrui, autant qu'on le désire pour soi-même la libération de la souffrance.

On doit comprendre que la souffrance est toujours le résultat de l'ignorance (sous une forme ou une autre) dans la vie présente ou passée.

Tous ceux qui sont liés à des existences éphémères, tous ceux qui n'ont pas encore connu ou recherché la paix du Nibbana (état au delà du désir que la connaissance suprême peut nous procurer, même dans une vie terrestre), ont leur part de douleur physique ou morale. Il ne faut pas s'attrister, ni se lamenter, mais rechercher la lumière pour soi et pour les autres, ressentir une immense compassion, une tolérance illimitée.

Donc la compassion mène à la compréhension, bannit l'intolérance, et diminue la cruauté latente en nous...

Plan de méditation

Après les salutations et les respirations prescrites

Commencer par envisager les méfaits de la cruauté.
Se dire :

« Je fais cesser une pensée de cruauté dans l'univers ». Envisager le bienfait de la compassion qui diminue la souffrance. Diviser le monde en quartiers, comme pour Metta).

Envoyer des pensées de compassion à tout être qui souffre dans chaque quartier, comme si on voyait là un malheureux tombé dans la misère et privé de bien-être physique et moral. Se dire : « Puisse-t-il échapper à une mauvaise fortune, puisse-t-il obtenir le bonheur ».

Penser aussi que celui qui vit dans l'abondance, s'il ne produit que des actions, des paroles, des pensées égoïstes, n'augmente pas le bien dans l'univers et ne se purifie pas, donc il se prépare un avenir malheureux.

Lui envoyer une pensée de compassion pour son ignorance.

Penser à la compassion illimitée d'un Bouddha pour le moindre être (Sata) vivant et à son immense tolérance et sa pitié de l'ignorant.

Envoyer à soi-même à l'être aimé
l'être indifférent l'adversaire,
des pensées de compassion, avoir pitié de leur ignorance et de leur peine.

Tâcher de réunir ces quatre personnes dans une unique pensée de compassion, sans faire la moindre distinction entre eux et soi-même. Continuer à déverser la compassion sur les quatre également.

Se dire : « Puisse-t-on échapper à toute souffrance Puisse-t-on être heureux, garder le bonheur et vivre sans inimitié.

Terminer par la résolution de soulager et diminuer la souffrance autant que possible et de ne point en créer pour la moindre créature vivante.

Mais il est bon de sortir de la méditation de

méditer sur la sérénité.

Répéter les respirations courtes, les trois salutations pour terminer la méditation.

CHAPITRE XI

Les quatre attentions fondamentales

Maha Satipatthana Sutta (Maha vagga)

Il est important d'étudier la méditation sur les quatre attentions fondamentales (les observations essentielles ou nécessaires). Pour cette étude j'ai choisi l'exposé du Docteur Fernando de Ceylan.

C'est ainsi que le Bouddha, avant son illumination, s'entraîne, quand il était encore Bodhisatta, à observer attentivement les phénomènes de l'Univers et à observer attentivement ce qui se passait en lui.

Par cette méditation on peut vérifier une des quatre grandes vérités : L'impermanence qui caractérise toutes les formes de l'existence. Cette vérité prouvée pour soi-même mène au détachement des choses illusoire des sens, et, plus tard éveille le désir de la recherche de la réalité, le permanent, l'incréé, le non-né.

Il faut se rappeler que les Bouddhistes considèrent que ce qui est instable, impermanent, en train de devenir, emporté par le flux perpétuel, ne peut donner un bonheur durable.

La méditation sur les quatre fondamentales doit nous faire comprendre que nos personnalités composées de sensations, émotions, pensées, etc... sont en train de se désagréger, de changer à chaque instant.

Pensée décevante pour l'homme égo-centrique, mais non pas pour celui qui a compris qu'un seul courant de vie (life stréam) nous anime tous, et qu'il y a un échappement, une délivrance du tourbillon dans le permanent.

(à suivre)

PHẬT-GIÁO SƠ HỌC

I. LỊCH-SỬ

H. — Đạo Phật là gì ?

Đ. — Đạo Phật là con đường tu-hành đưa đến chỗ giải-thoát do Phật chỉ dạy.

H. — Phật có phải là một vị Trời hay là một vị Thần không ?

Đ. — Không, Trời và Thần còn là chúng-sinh, đương chịu sự luân-hồi sanh-tử. Đức Phật là bậc giác ngộ hoàn-toàn, đã giải thoát ra ngoài vòng luân-hồi.

H. — Chữ Phật có phải là một tên riêng không ?

Đ. — Không, đây là một tên chung để gọi các bậc giác ngộ hoàn-toàn. Các Kinh-điển ghi chép rất nhiều bậc giác-ngộ như vậy.

H. — Đạo Phật trên thế-giới này do đức Phật nào truyền dạy ?

Đ. — Đức Thích-ca Mâu-ni nghĩa là đức Thánh họ Thích-Ca. Khi nói đến Phật mà không chỉ danh hiệu riêng, tức là nói về Đức Thích-ca, vì Ngài là giáo-chủ chúng ta hiện thời.

H. — Tên thật của Ngài là gì ?

Đ. — Ngài tên là Tất Đạt-Đa (Siddarta) họ Thích-Ca (Cakya) một nhánh của họ Kiều-tát-La (Kosala) là một đại quý-tộc xứ Ấn-độ. Như hợp cả tên lẫn họ thì là Kiều-tát-La Thích-Ca-Tất-Đạt Đa.

H. — Thân-phụ và thân-mẫu Ngài là ai ?

Đ. — Ngài là con vua Tịnh-phạn (Suddhodana) và Hoàng

hậu **Ma-ha Ma gia** (Maha-Maya) nước Ca-tỳ-La-Vệ (Kapilavastu).

H. — *Nước Ca-tỳ-la-Vệ ở đâu ?*

Đ. — Ở Ấn-Độ. nay là xứ Thérail. Kinh-đô nước ấy nay không còn dấu-tích gì, nhưng theo địa-đồ bây giờ thì có lẽ là quận Pipaova, ở phía đông bắc thành Ba-la-nại (Bénarès) phía nam nước Népal, bên bờ phương tây sông Kohana (xưa gọi là Rohini) là một chi-lưu sông Hằng-Hà (Gange).

H. — *Đức Thái-tử Tất-Đạt-Đa sinh năm nào, ngày nào?*

Đ. — **563 năm trước Tây-lịch. Ngài sinh ra khi mặt trời mọc, ngày trăng tròn tháng hai Ấn-Độ**, tức là tháng tư lịch Tàu, (phong tục xứ ta thường làm lễ Phật-đản trong ngày mồng tám tháng tư).

H. — *Ngài sinh nơi nào ?*

Đ. — Dưới một cây vô-tru (asoka) trong vườn Lâm-ti-ni (Lumbini) thuộc về nước Câu-lị (Koli). Vườn ấy ở phía đông thành Ca-Tì-La-Vệ chừng độ bốn mươi dặm, là một huê-viên của vua Thiên-Giác, cậu ruột Phật. Khi qua Ấn-độ, ngài Huyền-Trang còn thấy cây vô-tru ấy. Năm 1897, trong rừng Thérail, Bác-sĩ A. Fuhrer có đào lên được một cái trụ đá của vua A-Dục (Açoka) chôn để làm dấu chỗ Phật ứng-sinh ấy.

H. — *Tướng mạo Phật như thế nào ?*

Đ. — Đẹp-đẽ, phúc-hậu, không có tướng tốt gì là không có.

H. — *Vua cha có sẵn-sóc đến sự giáo-dục của Ngài không ?*

Đ. — Sự giáo-dục ngài rất chu đáo. Các ông thầy Ngài đều là bậc giỏi nhất trong xứ. Học chưa đầy mấy

năm, Thái-tử đã được văn võ toàn-tài không ai sánh kịp.

H. — Thái-tử vốn sống trong cảnh phong-lưu phú quý phải không ?

Đ. — Phải, Phụ-vương Ngài xây cho 3 tòa lầu đài hợp với thời-tiết trong 3 mùa của xứ Ấn-độ, mùa nóng có chỗ mát, mùa lạnh có chỗ ấm, mùa ôn - hòa có chỗ không nóng không lạnh. Cung-điện trang nghiêm cực-kỳ mỹ-lệ, vườn-tược có đủ hoa thơm cỏ lạ, hương bay ngào-ngạt và cảnh-sắc lộng-lẫy. Vua cha lại ban cho 500 thê-nữ kiều-diễm đêm ngày ca-múa hầu-hạ, các món vui chơi trong nước không còn thiếu một món gì.

H. — Thái-tử sống một mình sao ?

Đ. — Lúc lên 17 tuổi, ngài kết - hôn với công-chúa Da-du-đa-la (Yasodhara) con vua Thiện-Giác.

H. — Thái-tử kết-hôn cách thế nào ?

Đ. — Theo tục chiến-sĩ xưa, Thái-tử đã chiến-thắng tất cả thanh - niên đến dự các cuộc đấu võ thi tài, và lựa bà Da-du-đa-la là người tươi đẹp, hiền-thục nhất trong các công-chúa muốn được làm vợ ngài.

H. — Ngài chứng đạo Bồ-đề trong cung điện, giữa cảnh phong-lưu phú-quý ấy sao ?

Đ. — Không, một hôm Ngài bỏ tất cả cảnh giàu sang vương-giả, một mình len lỏi vào rừng tìm đạo, sau mới giác-ngộ.

H. — Ngài phát tâm tầm đạo thế nào ?

Đ. — Ngài quyết tìm nguyên-nhơn các nỗi khổ và phương pháp để thoát khổ.

H. — Có phải vì lòng tự-kỷ mà ngài hành động như thế chăng ?

Chỉ vì lòng từ bi thương xót tất cả chúng-sanh mà Ngài hy sanh tất cả để tìm đạo.

Ngài đã hy-sanh những gì ?

Ngài đã bỏ cung-điện giàu sang, giường cao nệm ấm, cao-lương mỹ-vị và cả ngôi vua của Ngài. Cho đến vợ đẹp con yêu Ngài cũng từ-giã để tìm **hạnh-phúc chân-thật cho chúng-sanh** đang đau khổ. Sự hy sanh lớn-lao ấy đã khiến mọi người ái-mộ và tin-đồ đã noi theo gương cao quý của Ngài.

Nào phải chỉ mình Phật mới biết vì kẻ khác mà hy-sanh của-cải, gia-đình, thân-mạng đâu ?

Giữa đời cũng có kẻ biết hành động như thế, nhưng điều ngài hy-sanh lớn hơn hết là vì lòng từ - mẫn chúng-sanh, ngài đã từ chối cả sự vui trong niết-bàn. Trong một kiếp trước, đời đức Phật Không-vương, Ngài là một vị Bà-la-môn tu-hành đến bậc lối cao sắp vào niết-bàn, nhưng thương chúng-sanh làm Ngài quên sự vui riêng. **Ngài nguyện trở về cõi Dục - giới để hóa độ chúng - sanh đều được giải-thoát.**

Ngài vào núi lúc mấy tuổi ?

Lúc 29 tuổi.

Nhơn duyên gì xui Ngài xuất-gia ?

Vì có nhiều cảnh-tượng thống-khổ giữa-đời.

Những cảnh-tượng ấy thế nào ?

Ba lần ra khỏi thành dạo chơi, ngài thấy ba cảnh tượng đau khổ làm Ngài thương xót vô cùng : Lần thứ nhất ngài gặp một **ông già** tiêu-tuy, da nhăn lưng còm, mắt lòa tai điếc ; lần thứ hai, Ngài thấy một **người tật bệnh**, bụng to cổ trướng, rên la khổ-sở ; lần thứ ba, Ngài gặp một cái **xác chết** thúi-tha ghê tởm, bà con thân-thích đang theo khóc-lóc rất thảm-thiết. Sau cùng Ngài gặp một vị

Sa-môn hình dung thanh-cao và bình-tĩnh: từ đó Ngài nuôi trong tâm trí cái ý định xuất-gia tầm-đạo.

H. — *Chỉ một mình Ngài thấy cái cảnh-tượng ấy sao?*

Đ. — Người quan hầu Ngài là Xa-Nặc cũng thấy.

H. — *Tại sao trước những cảnh-tượng ấy, người thường vẫn thản-nhiên mà Ngài lại xúc động đến nỗi phải tìm vào núi tu đạo?*

Đ. — Vì Ngài sẵn có lòng thương không bờ bến, lại nhận thấy các cảnh ấy lần đầu tiên và tiếp-tục trong một thời gian ngắn nên sự xúc - động cũng có phần mạnh hơn.

H. — *Sao lại lần đầu tiên?*

Đ. — Vì lúc Ngài mới sanh, các vị tiên xem tướng. Ngài có nói rằng một ngày kia Ngài sẽ bỏ ngôi vua để tu và sẽ thành Phật. Phụ-vương ngài không muốn mất người nối giòng, nên đã kiếm hết cách không cho Ngài thấy các sự đau khổ của người đời. Ngài chỉ sống trong cảnh mỹ-lệ của hoa thơm vườn đẹp và cung-diện nguy-nga. Các nơi Ngài ở đều có tường bao bọc và trong ấy không để lộ một dấu vết gì của các thảm trạng trong nhân-loại.

(sẽ tiếp)

Tên và họ	Tuổi	Làng	Chánh quán	Hạng Hội viên	Từ trần ngày Annam
Trần-văn-Thỉnh	59	An-Xuân	Đạo Ninh-Thuận	Tùng-Hỹ	1-6 Nhâm-Ngo
Bùi-thị-Đôn	—	Lương-Cang	id	Thiệt-Hành	1-6 id
Lê-văn-Quát	80	Đỗ-Vinh	id	id	20-5 id
Trần-thị-Chấn	58	Đông-Lâm	Quảng-Nam	V. V. Tùng-Hỹ	20-5 id
Tôn-thất-Viên	42	—	Thừa-Thiên	Thiệt-Hành	24-4 id
Nguyễn-đỉnh-Nhở	35	Phù-Hào	Hà-Tĩnh	Tùng-Hỹ	11-5 id
Nguyễn-Minh	32	Phù-Nghĩa	Hà-Tĩnh	Tùng-Hỹ	27-5 id
Nguyễn-Tộ	75	Hoàn-thị-Phổ	id	id	8-7 id
Nguyễn-Quang	36	Triều-Bal	id	id	12-7 id
Lữ-dung-Trần	64	—	Quảng-Đông (Chine)	Thiệt-Hành	25-7 id
Mai-thị-Dinh	46	Đệ-nhị-Phường	Thanh-hóa	id	23-7 id

Toán-thể Hội-viên hội Annam Phật-Học đều có làm lễ siêu-độ ở các Tỉnh-hội Trung-kỳ. Bản san xin Kinh-căn chia buồn cùng các Tang-gia và rita cầu nguyện cho hương-linh các Đạo-hữu mệnh-một được vãng-sanh Tây-phương An-Lạc-Quốc.

Chúng tôi đã nhận được ngân-phieu bưu-diện của quý
độc-giả kể tên dưới đây :

Chi hội	Lương cang Phanrang
MM. Minh Quang	Phanrang
- Tôn thất Giáng	-
- Hồ Phong	-
- Nguyễn hữu Tâm	Hanoi
- Trần văn Liên	Djiring
- Trương quang Thâm	-
- Nguyễn sĩ Chuyên	-
- Bửu Tap	-
- Nguyễn Dực	-
- Nguyễn trọng Phũ	-
- M. Duyệt	An xuân Phanrang
- Lê văn Ninh	Saigon
- Tôn thất Hợp	-
- Bạch quốc Nghê	Vinh
- Bùi hữu Lực	Dran
- Vương văn Tuy	Rạch giá
- Tỉnh hội Thừa thiên	Huế
- Nguyễn thái Tương	Phanrang
- Nguyễn khắc Thiện	-
- Tạ duy Thính	-
- Hồ Phong	-
- Đỗ văn Mai	-
- Trương văn Thấu	PhnomPenh
- Bùi văn Châm	Thanh-hoa
- Lâm Xe	Trà vinh
- Ngô thị Ngời	Sadec
- Lê văn Đen	Thudaumot
- Lê công Trí	Châu đốc
- Nguyễn văn Nhung	Thudaumot
- Đặng ngọc Sách	Huế
- Đặng ngọc Thụ	-
- Trần tấn Kiệt	Omôn
- Tỉnh hội Thanh-hóa	Thanh-hóa
- Bonze Chánh-Hậu	Huế

Chúng tôi trân trọng có lời cảm ơn chư quý độc giả
sẽ xin tiếp tục gửi bản san và sách Phật-học Tùng-thư.

Còn nữa

Imp. D. T. Hanoi

Gérant PHAM-VAN-V